

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi: nội dung Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi; cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi sáp nhập, hợp nhất; bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi niêm yết tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; thời hạn nộp và tính phí bảo hiểm tiền gửi; thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm; thủ tục trả tiền bảo hiểm và việc thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; mở và sử dụng tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước); mua tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.
3. Người được bảo hiểm tiền gửi.
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm những nội dung sau:
 - a) Tên tổ chức bảo hiểm tiền gửi;
 - b) Tên tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;
 - c) Nội dung khác theo quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi nội dung Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện việc đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 68/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm tiền gửi.
3. Trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thay đổi mẫu Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thông báo cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 4. Cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hợp nhất, sáp nhập

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi đã cấp cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị hợp nhất, bị sáp nhập khi Ngân hàng Nhà nước thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức này.
2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhận sáp nhập thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp có sự thay đổi thông tin Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.
3. Tổ chức mới được hình thành sau khi hợp nhất thực hiện thủ tục đề nghị cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 14 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Điều 5. Bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi niêm yết tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi niêm yết tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 15 Luật Bảo hiểm tiền gửi là bản sao do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cấp từ sổ gốc.

2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi căn cứ theo số lượng điểm giao dịch của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có nhận tiền gửi của cá nhân.

3. Hồ sơ đề nghị cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi trong đó ghi rõ số lượng bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi đề nghị cấp;

b) Danh sách điểm giao dịch có nhận tiền gửi của cá nhân chưa được cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi để niêm yết;

c) Bản sao văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc thành lập điểm giao dịch đề nghị cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

4. Trường hợp có nhu cầu cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lập một bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xem xét, đối chiếu với sổ gốc để cấp bản sao Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi. Nội dung bản sao phải đúng với nội dung đã ghi trong sổ gốc.

Điều 6. Thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi

Phí bảo hiểm tiền gửi được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu tiên quý thu phí, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp phí trùng vào ngày Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần thì tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được nộp vào ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó.

Điều 7. Tính phí bảo hiểm tiền gửi

1. Cơ sở tính phí bảo hiểm tiền gửi của quý thu phí là toàn bộ số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của quý trước liền kề quý thu phí.

2. Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí tính bằng công thức sau:

$$P = \frac{\frac{S0 + S3}{2} + S1 + S2}{3} \times \frac{m}{4}$$

Trong đó:

- P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí.
- S0: là số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí.
- S1, S2, S3: là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí.
- m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp.

3. Trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tính và nộp phí cho quý đầu tiên tham gia bảo hiểm tiền gửi áp dụng theo công thức sau:

$$P = \sum_{i=1}^n Si \times \frac{m}{360}$$

Trong đó:

- P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý đầu tiên.
- Si: là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i (i = 1 → n; S1 là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên nhận tiền gửi; Sn là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày cuối cùng của quý đầu tiên).
- m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp.

4. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi sau sáp nhập, hợp nhất áp dụng công thức tính phí bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó S0 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tham gia sáp nhập, hợp nhất đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí; S1, S2, S3 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm của các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tham gia sáp nhập, hợp nhất cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí.

5. Số dư tiền gửi được bảo hiểm, phí bảo hiểm tiền gửi và phí nộp thiếu, nộp chậm được làm tròn số đến đơn vị nghìn đồng theo nguyên tắc:

- a) Lớn hơn hoặc bằng ($\geq$) 500 đồng làm tròn lên 1.000 đồng.
- b) Nhỏ hơn ($<$) 500 đồng làm tròn về 0 đồng.

Điều 8. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm

1. Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ thời điểm Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà tổ chức tín dụng là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vẫn lâm vào tình trạng phá sản hoặc Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài là tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.